TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2024
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con và tranh chấp nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh: Ông Sơn Nhựt Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và tranh chấp nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Kim Thị Đ, sinh năm 1984 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn:*** Anh Đào R, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ngân hàng a - Chi nhánh huyện T.

Người đại diện: Ông Nguyễn Trung Q, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng a - Chi nhánh huyện T (Theo văn bản ủy quyền số: 2665/QĐ-NHNN-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng a.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T. Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Long T – Chi nhánh huyện T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2024 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Kim Thị Đ trình bày và yêu cầu: Chị và anh Đào R được gia đình hai bên chấp thuận, tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/09/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Đào Thị Gia R1, sinh ngày 22/8/2013, càng về sau thì cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, lý do anh Đào R không quan tâm chăm lo cho vợ con, thường xuyên cự cãi do mâu thuẫn về kinh tế gia đình, hiện anh R đã quay về sống với người vợ trước đây của anh ngụ tại Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh và không muốn hàn gắn đoàn tụ lại với chị. Vào năm 2021, chị có nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh R nhưng sau đó rút lại vì mong muốn hai bên hàn gắn đoàn tụ lại nhưng không thành. Chị và anh Đào R đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đào R.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là Đào Thị Gia R1, sinh ngày 22/8/2013 và không yêu cầu anh Đào R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có nhưng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng a - Chi nhánh huyện T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày và yêu cầu:

Ngày 10/12/2021, chị Kim Thị Đ và anh Đào R có ký hợp đồng vay của Ngân hàng, Phòng giao dịch Long T vay số tiền 120.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 7404-LAV-202104283 ngày 10/12/2021. Do khoản vay dưới 200.000.000 đồng nên Ngân hàng không yêu cầu anh Đào R và chị Đ thế chấp tài sản mà chỉ giữ hộ tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 106, tờ bản đồ số 61, diện tích 787,3m^2 loại đất trồng cây lâu năm toạ lạc Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh do chị Kim Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chị Đ và anh Đào R hoàn trả tiền vay thì Ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay khoản vay đã quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu chị Kim Thị Đ và anh Đào R phải liên đới trả số tiền vay gốc bằng 120.000.000 đồng và phần lãi phát sinh tính đến ngày 31/5/2024 là 40.707.299 đồng, yêu cầu tiếp tục tính phát sinh cho đến khi trả tất toán nợ.

Đối với anh Đào R, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã tiến

hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để chị Đ và anh có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải anh Đào R đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Đào R vắng mặt đến lần thứ 2 không rõ lý do và không có ý kiến trình bày.

Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và tranh chấp nợ chung" là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định, đối với bị đơn vắng mặt không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Kim Thị Đ. Giao con chung là Đào Thị Gia R, sinh ngày 22/8/2013 cho chị Đ được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn, do chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện ly hôn chị Đ không trình bày có nợ nhưng tại đơn khởi kiện của Ngân hàng a - Chi nhánh huyện T yêu cầu chị Đ và anh Đào R liên đới trả tiền vay 120.000.000 đồng và lãi cho đến khi hoàn tất trả nợ vay. Quá trình hoà giải chị Đ thừa nhận vợ chồng có vay và chị đồng ý trả số tiền vay gốc lãi cho Ngân hàng và không yêu cầu anh Đào R liên đới trả nợ. Xét thấy đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng, buộc chị Đ và anh Đào R liên đới trả tiền vay 120.000.000 đồng và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Về tài sản chung: Chị Đ khai vợ chồng có căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 61 diện tích 787,3m^2 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh hiện chị đang quản lý sử dụng, nhưng chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc chị Kim Thị Đ và anh Đào R phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và tranh chấp nợ chung". Bị đơn cư trú tại ấp Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Sau khi thụ lý Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án không tiến hành hòa giải được do anh Đào R vắng mặt đến lần thứ hai không rõ lý do. Anh Đào R là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Kim Thị Đ:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay Kim Thị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Đào R. Xét yêu cầu ly hôn của chị Kim Thị Đ cũng như quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận, bởi vì:

Chị Đ và anh R xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/09/2012, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị Đ khai do anh chị mâu thuẫn thường xuyên cự cãi do anh R đi làm nhưng không quan tâm lo lắng cho gia đình mà một mình chị gồng ghánh mưu sinh chăm lo cho gia đình. Năm 2021 chị có nộp đơn khởi kiện ly hôn nhưng sau đó rút lại để hai bên có điều kiện hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không thành nên chị và anh Đào R sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến ngày 18/3/2024 chị tiếp tục nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh Đào R. Trong thời gian ly thân anh chị không gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên hòa giải nhưng anh Đào R không đến. Tại phiên tòa hôm nay anh Đào R cũng vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh R không có thiện chí hòa giải, hàn gắn đoàn tụ lại với chị Đ. Kết quả Tòa án xác minh về mâu thuẫn giữa chị Đ và anh R (bút lục số 74) thể hiện giữa chị Đ và anh R thường xuyên cự cãi với nhau, vợ chồng sống chung không có hạnh phúc, hiện anh R đã trở về sống cùng người vợ trước đây của anh (đã được Toà án giải quyết cho ly hôn). Mặc dù biết được việc chị Đ làm đơn yêu cầu ly hôn và được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và xét xử vụ án nhưng anh Đào R không đến, không tạo điều kiện gặp chị Đ để hàn gắn đoàn tụ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Nhưng đối với anh Đào R không chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chị Đ, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không đến gặp chị Đ để bày tỏ, giải quyết mâu thuẫn, giải quyết bất đồng nhằm hàn gắn đoàn tụ với chị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của chị Đ và anh R không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[4] Về con chung: Chị Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Đào Thị Gia R1, sinh ngày 22/8/2013, xét thấy con chung là bé gái đồng thời cháu Đào Thị Gia R1 có nguyện vọng được sống với chị Đ nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đào Thị Gia R1 cho chị Đ được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đ không yêu cầu anh Đào R cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng a - Chi nhánh huyện T yêu cầu chị Đ và anh R phải liên đới trả số tiền vay gốc 120.000.000 đồng và phần lãi phát sinh tạm tính đến ngày 08/7/2024 bằng 41.601.045 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi tất toán nợ theo hợp đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như quan điểm của kiểm sát viên tại phiên toà là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngày 10/12/2021, hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2021 và báo cáo đề xuất cho vay cùng ngày của Ngân hàng giao nộp. Trong hoà giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Đ không có ý kiến phản bác mà đồng ý trả tiền vay gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng và không yêu cầu anh Đào R phải liên đới trả nợ vay, mục đích vay là để xây nhà ở. Để đảm bảo hợp đồng vay tín chấp chị đã giao cho Ngân hàng quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 106, tờ bản đồ số 61 diện tích 787,3m^2 tọa lạc Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do giữa chị và R đã tự thỏa thuận với nhau nếu như chị trả tiền vay Ngân hàng thì chị được quyền sử dụng căn nhà gắn liền với đất nhưng cho rằng hai bên chỉ thoả thuận bằng lời nói không có văn bản thoả thuận. Đối với anh R mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng Tòa án cũng đã có sao gửi toàn bộ chứng cứ để anh có ý kiến hoặc phản hồi đối với yêu cầu của Ngân hàng nhưng anh không có ý kiến. Chị Đ và anh R là vợ chồng hợp pháp, khoản vay trên là nợ chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử buộc chị Đ và anh R phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi bằng 41.601.045 đồng tạm tính đến ngày 08/7/2024 và phần lãi phát sinh kể từ ngày 09/7/2024 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng đã ký ngày 10/12/2021.

[6] Về tài sản chung: Chị Đ xác định vợ chồng chị có căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 61 diện tích 787,3m^2 toạ lạc Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh hiện chị đang quản lý sử dụng, nguồn tiền xây dựng nhà từ khoảng vay nợ ngân hàng a – Chi nhánh huyện T và tiền vợ chồng tích góp giành dụm được nhưng chị Đ cho rằng để chị và anh R tự thoả thuận với nhau không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh Đào R có quyền khởi kiện trong vụ án khác nếu có tranh chấp. Đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 61 diện tích 787,3m^2 toạ lạc Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho rằng là tài sản riêng của chị, anh Đào R cũng không có ý kiến tranh

chấp hay yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Buộc chị Kim Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định; Chị Đ và anh Đào R còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Áp dụng các Điều 9, 29, 33, 38, 39, 51, 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị Kim Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Chị Kim Thị Đ được ly hôn với anh Đào R.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đào Thị Gia R, sinh ngày 22/8/2013 cho chị Đ được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn, theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đ không yêu cầu anh Đào R cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản: Chị Kim Thị Đ xác định có căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 61 diện tích 787,3m^2 toạ lạc ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh hiện chị đang quản lý sử dụng, chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh Đào R có quyền khởi kiện trong vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn nếu có tranh chấp.

Đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ số 61 diện tích 787,3m^2 toạ lạc Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho rằng là tài sản riêng của chị, anh Đào R cũng không có ý kiến tranh chấp hay yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng a - Chi nhánh huyện T về việc yêu cầu chị Kim Thị Đ và anh Đào R phải trả số tiền vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký.

Buộc chị Kim Thị Đ và anh Đào R phải trả cho Ngân hàng a - Chi nhánh huyện T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/7/2024 bằng 161.601.045 đồng. Trong đó gốc 120.000.000 đồng, phần lãi phát sinh là 41.601.045 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 09/7/2024 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng đã ký ngày 10/12/2021.

5. Về án phí: Chị Kim Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003011 ngày 21/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Buộc chị Kim Thị Đ và anh Đào R phải chịu 8.080.052 đồng số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng a - Chi nhánh huyện T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng a - Chi nhánh huyện T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.591.333 đồng theo biên lai thu số 0002885 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 , người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 7c và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.